

Bản án số: 72/2025/HNGĐ-ST

Ngày 10 – 9 – 2025

“V/v không công nhận vợ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Bửu Thương

Ông Nguyễn Hoàng Dân

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Bích Như, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 429/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị T, sinh năm 1984, số CCCD: 0961.....

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Minh P, sinh năm 1980, số CCCD: 0960.....

Địa chỉ cư trú: Số B, đường T, khóm E, phường L, tỉnh Cà Mau.

(Bà T và ông P xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trình bày của bà Dương Thị T trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Về hôn nhân, bà và ông Đặng Minh P chung sống với nhau năm 2000, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống, ông bà phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống không phù hợp, không có tiếng nói chung, hay cãi nhau, không thể nào hàn gắn được. Ông bà đã ly thân nhau từ năm 2014 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu ly hôn với ông P.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên là Đặng Cẩm T1, sinh năm 2002. Hiện nay con chung đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

Tại bản tự khai và trình bày của ông Đặng Minh P trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Về thời gian chung sống và việc không có đăng ký kết hôn đúng như bà T trình bày. Trong thời gian chung sống, ông bà đã phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, đã ly thân nhau từ năm 2014 đến nay. Nay ông đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên là Đặng Cẩm T1, sinh năm 2002. Hiện nay con chung đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Dương Thị T và ông Đặng Minh P chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Vậy nên, mặc dù bà T và ông P đều xác định trong cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và yêu cầu chấm dứt mối quan hệ hôn nhân nhưng vì ông bà không đăng ký kết hôn nên căn cứ theo quy định tại Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ giữa bà T và ông P là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên là Đặng Cẩm T1, sinh năm 2002. Hiện nay con chung đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông P đều xác định không có.

[5] Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 16, 53, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Không công nhận bà Dương Thị T và ông Đặng Minh P là vợ chồng.

2/ Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên là Đặng Cẩm T1, sinh năm 2002. Hiện nay con chung đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: không có.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ, bà Dương Thị T phải nộp. Ngày 21/8/2025, bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo lai thu số 0012024 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được đối trừ, bà T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà T, ông P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Kim O